

Làng Mới

Đời Tự Đức ở Nam Kỳ Lục tỉnh, nhà nước khuyến khích lập làng để thúc đẩy khẩn hoang, thuê thêm thuế đinh và thuế điền. Việc lập làng được hưởng ứng, bất kể dân giàu hay dân nghèo.



Buổi lễ cúng thần Hoàng có ban nhạc lễ

- Người giàu (thường là bá hộ) được dịp ban ân bố đức cho số dân di khẩn đất. Trong giai đoạn đầu, người khẩn đất cần vốn liếng để sắm nhà cửa, ghe xuồng, nông cụ, quần áo, gạo để ăn, tiền để xài. Ông bá hộ cho vay tiền, vay lúa với mức lời rất nặng, trên 50 phần trăm mỗi năm. Ngoài ra, nếu ông bá hộ trực tiếp khẩn đất thì có thể canh tác với nhân công mướn rẻ, đó là những người bạn làm ruộng ăn lương hằng năm, khi rảnh việc cày cấy gặt hái thì chủ bắt chèo ghe, sửa nhà, đắp bờ, đào mương vườn. Bạn làm công luôn luôn mướn tiền trước với tiền lời rất nặng, lắm khi vì đau yếu hay cờ bạc, vợ và con phải làm việc thay thế để trừ nợ.

- Người nghèo không gia cư, đã túng thiếu đồ nợ ở các làng cũ nếu có chí thì đi nơi khác xin lập làng mới, chịu khó làm ăn thì có thể trở thành điền chủ nhỏ, được làm hương chức. Trong nhiều trường hợp, người đi lập làng thường lôi kéo theo nào là bạn thân, nào là bà con xa, bà con gần để trong việc làm ăn hằng ngày họ sống trong bầu không khí thân mật và tin cậy hơn.

Đơn xin lập làng làm ra hai bản, dâng lên quan Bố chánh. Trong đơn ghi rõ:

- Ranh giới tứ cận của làng mới lập.
- Tên những người gia trưởng (điền hộ).
- Ranh giới các sở đất xin khẩn, tên chủ đất diện tích, loại đất gì (sơn điền, thảo điền hoặc vu đậu).
- Nêu rõ tên làng mới (xin đặt tên)
- Xin miễn thuế, miễn sưu và miễn lính trong ba năm.
- Ghi tên những người dân bộ (bộ đinh) để bảo đảm có số thuế tối thiểu trong tương lai.

Quan Bố chánh nhận đơn, chỉ cần biết rõ ranh giới làng mới và tên tuổi của dân lập làng (gồm dân đã từng đứng bộ trong làng khác và dân lậu) rồi phê vào mấy chữ: "*Phú hồi sở tại phủ viên khám biện*".

Khi nhận được lệnh, quan phủ bèn đến tận nơi với vài nhân viên (lại lệ), đòi hương chức các làng kế cận, luôn cả viên cai tổng để xác nhận rằng làng mới xin lập không lấn ranh vào những làng đã có ở bốn phía và chẳng ai ngăn cản. Dân xin lập làng phải có mặt để xác nhận chịu khẩn và chịu đóng thuế, sở đất của người này không lấn ranh vào sở của người kia. Dân lậu xin lập làng cũng đến để được điều tra xem có tội trạng, tiền án, hoặc giả mạo tên tuổi không? Quan phủ cho đo diện tích để biết lần đo trước của dân làng có chính xác chẳng (dư hoặc thiếu), xem ranh giới từng sở đất, tên người chủ, loại sơn điền, thảo điền hoặc đất trồng dâu, trồng khoai đậu... Luôn dịp ấy, quan phủ nhìn nhận cho người xin lập làng làm chức thôn trưởng, cấp cho con dấu nhỏ, hình chữ nhật, theo nguyên tắc con dấu phải làm bằng cây (vì vậy gọi là mộc ký, hoặc gói gọi là con mộc). Đồng thời quan phủ cho phép làng cũ hủy bỏ tên những người dân đã di chuyển để ghi vào sổ bộ của làng mới lập.

Quan phủ soạn tờ phúc bẩm, trình với quan Bố chánh việc mình đã làm, kèm theo bản đồ tổng quát của làng tân lập, vị trí các sở đất, loại đất, tên người xin khẩn, diện tích. Trên bản đồ thường vẽ hình cây lâm vồ, chòm tre, lung bầu hoặc hình chùa miếu để làm chuẩn. Thôn trưởng ở mấy làng giáp ranh đồng ký vào.

Tờ phúc bẩm này được quan phủ dâng cho quan Bồ chánh, làm hai bản. Khi nhận được, quan Bồ chánh phê "*trình biện*"; chuyển lên quan Tổng đốc thì được phê "*chiếu biện*" khi chấp thuận.

Một bản có lời phê trên đây lại gửi trả xuống cho quan phủ hoặc quan huyện. Lập tức quan phủ hoặc quan huyện đến làng tân lập nọ, lần thứ nhì, để làm tờ khám án (Luro dịch là jugement procès-verbal). Trong tờ này ghi là đã đến nơi, gọi các viên cai tổng, thôn trưởng kế cận đến để xác nhận, rồi **kê khai các sở đất**, diện tích loại đất, tên người khẩn như trong tờ phúc bẩm. Bên dưới làng tân lập cùng các ông cai tổng sở tại và lân cận.

Tóm lại, việc lập làng chia ra ba giai đoạn:

- Dâng đơn quan Bồ chánh
- Quan phủ hoặc quan huyện đến nơi làm tờ phúc bẩm.
- Khi được quan Tổng đốc đồng ý, quan phủ trở lại làng làm tờ khám án.

Trường hợp làng Châu Quới tân lập, tách ra từ làng Châu Phú (nay là vùng chợ Châu Đốc) lúa mới làm đơn xin chỉ có bảy người dân đứng tên (2 người dân có bộ cũ, 5 người dân lậu), đất khẩn các loại tổng cộng 66 mẫu (trong đó chỉ có 2 mẫu thảo điền và 3 mẫu sơn điền) giúp ta thấy rõ tình trạng làng xóm lúc bấy giờ, quan trên tỏ ra dễ dãi, những người đứng tên là tiểu điền chủ, sau này sẽ qui tụ thêm dân đến làm công hoặc làm tá điền cho họ.

Nói chung, hương chức làng (hương dịch) chia ra làm hai hạng: "*các chức lớn*" và "*các chức nhỏ*". Các chức nhỏ là người thi hành, đi gặp dân để truyền lệnh của các chức lớn. Muốn được làm hương chức cần có điều kiện tuy đơn giản nhưng gắt gao: phải cư ngụ trong làng, có hăng sản hoặc uy tín lớn (thí dụ như người nghèo nhưng ông ta ngày xưa làm quan hoặc đã sáng lập làng). Lúc ban đầu chỉ đặt ra thôn trưởng (xã trưởng) và hương thân (theo Luro, chức hương thân do Nguyễn Tri Phương bày ra). Lần hồi khi làng đông dân, thuế má dồi dào thì cử thêm ấp trưởng, cai tuần, trùm cả, thủ hộ, biện lại, biện đình. Hương chức lớn thì có thêm hương hào, hương sư, hương chánh, hương lễ...

Nhiều người cho rằng hương chức làng là tổ chức dân chủ. Đó là nói quá đáng, nếu không sai lạc: tổ chức phong kiến, của phe đảng thì đúng hơn. Khi thiếu một người hương chức thì mấy người sáng lập làng hoặc những người đang làm hương chức bèn nhóm lại rồi cử người trong nhóm, trong phe. Dân nghèo không hăng sản, tức là không điền đất hoặc không vốn liếng to để làm nghề mua bán thì chỉ được quyền đứng ngoài xa mà nhìn, hoặc là nấu nước pha trà cho các ông hương chức khi họ bầu cử lẫn nhau. Vua chúa ngày xưa nhắc nhở đến dân, "*dân vi quý*" hoặc gọi tổng quát là bá tánh. Nhìn qua bộ điền hoặc địa bộ của làng, ta thấy tên họ của những người dân mà thời phong kiến đề cập tới: đó là những điền chủ lớn nhỏ, những ông bá hộ. Dân lậu, không tên trong bộ, không được nhìn nhận là dân.

(Sơn Nam - Lịch sử khẩn hoang miền Nam)